

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17/8/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lê Đình Cự.**
2. **Bà Nguyễn Thị Vĩnh.**
- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*
Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn Trường S**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* **Chị Lưu Thị T**, sinh năm 1999

HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố *B, phường T, Thị xã B, tỉnh Bình Dương.

(Tại phiên tòa có mặt anh S, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 và Bản tự khai ngày 12/6/2020 và tại phiên tòa anh Nguyễn Trường S nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị Lưu Thị T ngày 19/3/2018 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị T.

* *Về con chung*: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Lưu Bảo M, sinh ngày 23/8/2018, hiện con đang ở với chị T. Ly hôn anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con và anh tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 9/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

* *Về tài sản*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 17/6/2020, chị Lưu Thị T bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị kết hôn với anh Nguyễn Trường S ngày 19/3/2018 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã Đ, huyện Đ, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Sinh xin ly hôn chị đồng ý.

* *Về con chung*: Chị và anh Sinh có 01 con chung là Nguyễn Lưu Bảo M, sinh ngày 23/8/2018, hiện con đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và chị yêu cầu anh Sinh đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

* *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho anh Nguyễn Trường S được ly hôn chị Lưu Thị T.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lưu Bảo M, sinh ngày 23/8/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh S, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu tại xã Đ, huyện Đ. Hiện nay bị đơn chị Lưu Thị T đang sinh sống tại khu phố *B, phường T, Thị xã B, tỉnh Bình Dương, tuy nhiên chị T đã có đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39

Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền.

Chị Lưu Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt chị Trang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trường S kết hôn với chị Lưu Thị T ngày 19/3/2018 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã Đ, huyện Đ và hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019. Nay anh S xin ly hôn, chị T đồng ý.

[2.1.1] Tại biên bản xác minh ngày 28/7/2020, UBND xã Đ cung cấp như sau: Anh S, chị T kết hôn tại địa phương khác, sau khi kết vợ chồng có sinh sống tại thôn N, xã Đ một thời gian ngắn và đi làm ăn xa. Vợ chồng có mâu thuẫn nhưng cụ thể thì địa phương không nắm được, hiện anh S vẫn sinh sống tại Đ, chị T đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Nay anh S xin ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.1.2] HĐXX thấy rằng: Anh S, chị T đã sống ly thân được thời gian dài không quan tâm đến nhau, không có mối ràng buộc về kinh tế, mỗi người sống ở một nơi khác nhau. Vì vậy xác định quan hệ hôn nhân giữa anh S, chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh S xin ly hôn chị T đồng ý nên cần xử cho anh S được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh S và chị T có 01 con chung là Nguyễn Lưu Bảo M, sinh ngày 23/8/2018, hiện con đang ở với chị T. Ly hôn anh S đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh S tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 9/2020 đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản: Anh S, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Trường S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35, 39; 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trường S được ly hôn chị Lưu Thị T.

2. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Lưu Bảo M, sinh ngày 23/8/2018 cho chị Lưu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh S có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 9/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Anh S, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trường S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh S đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008448 ngày 12/6/2020 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trường S phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo: Anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/8/2020). Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
ĐÃ KÝ**

HOÀNG VĂN THÀNH